

## CON NGƯỜI HIỆN ĐẠI CÓ THẬT SỰ TỰ DO?

Are modern human truly free?

ThS. Phan Thị Hồng Nhung\*

### TÓM TẮT

Con người hiện đại có thật sự tự do? Con người có an toàn trong thời đại bùng nổ công nghệ hiện đại? Chiến tranh thế giới là cuộc tranh đấu và chiến thắng sau cùng của tự do hay quyền tự do ngôn luận mới là khâu cuối cùng trong hành trình đi tìm tự do. Hầu hết mọi người đều tin rằng khi nào họ chưa trực tiếp bị thúc ép phải làm điều gì bởi một thế lực bên ngoài, thì những quyết định đưa ra là của chính họ và nếu họ muốn điều gì thì đó là do chính bản thân họ muốn. Nhưng đây là một trong những ảo tưởng lớn mà con người nuôi dưỡng....

**Từ Khóa:** *con người, con người hiện đại, tự do.*

### ABSTRACT

Are modern human truly free? Do human secured in the age of modern technology boom? World war is the struggle and the final victory of freedom or freedom of speech was the last stage in the journey of seeking freedom. Most people believe that when they are not directly pushed to do something by an outside force, they make decisions themselves, and if they want something, it's because they actually desire. But this is one of the great illusions that nurture human....

**Keywords:** *human, modern human, freedom.*

Từ xưa đến nay, tự do luôn là một khái niệm bí ẩn và trừu tượng đối với con người. Đúng như tên gọi, tự do không chịu khuôn mình vào bất kỳ chiếc khung nào, ngay cả trong những nỗ lực của các nhà triết học, các nhà khoa học ở mọi thời đại nhằm mô tả và lý giải khái niệm tự do. Trong bối cảnh hiện đại hóa xã hội và toàn cầu hóa hiện nay, khi mà các nhân tố chính trị có ảnh hưởng mạnh mẽ đến con người, khi các vấn đề của con người đã thay đổi căn bản, vấn đề “tự do” cũng trở nên ngày càng cấp thiết hơn. Tự do vừa là bản chất tự nhiên, vừa là khát vọng thường trực của mỗi người. Thời đại của chúng ta gắn liền với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ. Con người hiện đại ngày càng trở nên mạnh mẽ,

ngày càng trở thành chủ nhân của thế giới bên ngoài thì họ càng cho thấy mình yếu đuối hơn trong việc làm chủ bản thân làm chủ, thế giới nội tâm của mình. Họ càng tự do hơn ở bên ngoài, thì họ lại càng nô lệ hơn ở nội tâm, càng trở thành nô lệ cho các lực lượng không thuộc về họ. Nguy hiểm hơn là nhiều người lại quan niệm rằng những hình thái quyền lực không phù hợp và sự câu thúc từ bên ngoài bị xóa bỏ thì con người có được tự do. Họ quên mất một điều là dù con người giải phóng bản thân khỏi những cựa thù của tự do, nhưng những kẻ thù mới với bản chất khác lại xuất hiện, bản chất không phải là những câu thúc từ bên ngoài, mà là những nhân tố bên trong đã ngăn trở sự nhận thức một cách trọn vẹn tự do cá nhân. Con người hiện đại có thật sự được tự do? Con

---

\* Trường Đại học Tân Trào

người có thật sự an toàn trong thời đại bùng nổ công nghệ hiện đại? Đã đến lúc chúng ta phải nhận thức tự do với đúng nghĩa của từ này, trên cơ sở ấy thúc đẩy quá trình dịch chuyển song song của ý nghĩ và hành vi ở mỗi cá nhân cũng như cộng đồng.

Thời đại của chúng ta đề ra cho con người những yêu cầu ngày một cao hơn, đặt ra cho nó hàng loạt những vấn đề hết sức phức tạp mà bản thân quá trình sinh tồn là không thể thiếu việc giải quyết chúng. Đặc biệt là vấn đề tự do nội tâm, cùng với việc bị lôi kéo vào dòng chảy của cuộc sống hiện đại, dường như con người không dành thời gian cho những suy ngẫm nghiêm túc, không kích thích chúng, do đó con người hiện đại có nguy cơ đánh mất các định hướng mục đích sống cơ bản. Theo Erich Fromm một triết gia Phương Tây hiện đại (trường phái Frankfurt) thì “tự do ở bên ngoài trong xã hội công nghệ hiện đại không bao giờ đầy đủ đúng nghĩa của từ này, nếu nó không đi liền với tự do nội tâm tương ứng”. Ví dụ điển hình về đánh mất các định hướng sống của con người hiện đại chính là xã hội Phương Tây. Với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, vị thế của đồng tiền đã thay đổi, trước đây tiền bạc là tối tở thì xã hội hiện đại nó trở thành chủ nhân. Trong nền kinh tế tư bản, sự thành đạt, lợi lộc vật chất, trở thành cứu cánh. Con người lao vào vòng xoáy của kinh tế với một mục đích duy nhất là tích lũy tiền và đó là một mục đích tự thân. Lúc này, tích lũy tư bản trở thành mục tiêu và đích đến của sự vận động kinh tế. Con người làm việc vì mục đích kiếm tiền, nhưng tiền kiếm được không tiêu xài mà để đầu tư đồng vốn mới, tích lũy càng nhiều số vốn ban đầu của nhà tư bản càng tăng lên. Nguyên tắc tích lũy tiền là tiền đẻ cho những thành tựu vĩ đại của hệ thống công nghiệp hiện đại. Nguyên tắc có ý nghĩa lớn lao đối với sự tiến bộ của nhân loại, song nó cũng biến con người trở thành nô lệ cho chính cỗ máy họ tạo ra. Vì vậy,

họ bất lực và cảm thấy vô nghĩa. Bởi lẽ, khi họ tự do chọn lựa con đường sống cho mình, cũng là lúc họ lại tự trói mình vào cái guồng máy chính họ tạo ra. Người công nhân làm thuê cũng chịu những tác động tâm lý không khác nhà tư bản, bởi lẽ công việc của họ còn hay mất phụ thuộc vào sự hưng thịnh hay trì trệ của thị trường họ đang tham gia. Họ bị lệ thuộc trực tiếp và chịu sự thao túng trực tiếp vào ông chủ. Với họ, ông chủ đại diện cho quyền uy tối thượng. Cả xã hội, từ ông chủ đến người công nhân làm thuê nhún chìm trong một tinh thần phụng sự cho những mục đích kinh tế. Như vậy, kinh tế tư bản chủ nghĩa với kiểu tổ chức sản xuất lấy tích lũy tư bản làm trung tâm biến con người thành nô lệ, thành công cụ cho những mục tiêu kinh tế. Vì vậy, con người trong cái guồng quay kinh tế điên đảo càng trở nên tầm thường, bất lực và vô nghĩa. Họ sẵn sàng phụng sự cho những mục đích không phải của bản thân họ. Lịch sử Phương Tây đã chỉ ra rằng, con người hiện đại không có chỗ cho lòng trắc ẩn, sự hy sinh mà cái thúc đẩy họ là sự ích kỷ tột độ và sự mưu cầu lợi ích cá nhân, tức là sự thúc đẩy trong chính bản thân con người họ. Họ bị đe dọa bởi những thế lực mạnh mẽ vượt lên trên con người, bởi tiền bạc và thị trường. Tự do và bạo ngược đan xen, lẫn lộn, khiến con người cảm thấy hoang mang, bất lực. Do đó, đã thôi thúc cá nhân tìm mọi cách để giải thoát cho mình. Họ đã tìm thấy lối ra ở Đạo Tin Lành. Học thuyết tôn giáo này khuyên con người phải hoàn toàn từ bỏ bản ngã, chấp nhận sự bất lực, để được Chúa cứu rỗi, và như thế họ sẽ chẳng bao giờ phải suy nghĩ xem ý nghĩa cuộc đời là gì. Sẽ ung dung, thoải mái đón nhận những gì sẽ xảy ra với mình, kể cả cái chết. Vậy tự do ở đâu khi con người một lần nữa trói buộc mình vào đấng cứu thế? Tự do ở đâu khi con người được ban phát “tự do”? Con người trong xã hội hiện đại có nhận ra mặt tiêu cực của tự do mà họ đang ảo tưởng?

Trong thực tế, mặt tiêu cực của tự do khó có thể nhận ra được. Chúng ta tin là tự do tín ngưỡng là một trong những chiến thắng cuối cùng của tự do. Nhưng khi những quyền uy của giáo hội lẫn át con người, nhà nước không cho phép con người thờ phụng theo ý muốn của mình, thì con người hiện đại có còn tự do tín ngưỡng. Hay ta thường cho rằng quyền tự do ngôn luận là khâu cuối cùng trong hành trình đi tìm tự do, mà ta quên mất rằng con người hiện đại lại ở trong hoàn cảnh, phần lớn những gì họ cảm nghĩ và nói năng cũng đều là của mọi người, họ không có được tư duy một cách sáng tạo. Điều gì đúng với tư tưởng và cảm xúc thì cũng đúng với ý chí. Hầu hết mọi người đều tin rằng khi nào họ chưa trực tiếp bị thúc ép phải làm điều gì bởi một thế lực bên ngoài, thì những quyết định đưa ra là của chính họ và nếu họ muốn điều gì, thì đó là do chính bản thân họ muốn. Nhưng đây là một trong những ảo tưởng lớn mà con người nuôi dưỡng. Phần lớn quyết định ta đưa ra thực chất không là của ta mà là do bị lôi cuốn từ bên ngoài; chúng ta đã thuyết phục được bản thân rằng chính ta là người quyết định, kỳ thực chúng ta chỉ làm theo những đòi hỏi của người khác, chúng ta bị dao động trước nỗi sợ bị bỏ rơi và trước những mối đe dọa trực diện đến cuộc sống chúng ta, đến tự do an nhàn của chúng ta. Khi trẻ em được hỏi liệu chúng có muốn được đến trường hàng ngày không, câu trả lời luôn là: “Đương nhiên, em muốn”, liệu câu trả lời đó có thành thật không? Trong nhiều trường hợp không hoàn toàn như vậy. Đứa trẻ có thể muốn đến trường, song nó lại thích chơi đùa hay làm một cái gì đó hơn. Nếu nó cảm thấy “muốn đến trường mỗi ngày”, có thể nó đã kìm nén nỗi chán ghét công việc bài vở. Nó cảm thấy mình buộc phải đi học mỗi ngày, và áp lực đó đủ lớn để áp đảo cảm giác rằng nó đi học đều đặn chỉ vì nó buộc phải làm thế. Có lẽ sẽ dễ chịu hơn nếu nó nhận thức được rằng đôi khi nó muốn đến trường và đôi

khi nó đến trường chỉ vì bắt buộc. Ấy vậy mà, sức nặng của ý thức trách nhiệm đủ lớn để tạo trong nó cảm giác rằng “nó” muốn cái điều nó có bốn phen phải muốn. Chúng ta có thể nêu thêm nhiều ví dụ trong cuộc sống hàng ngày, trong đó người ta có vẻ như đưa ra những quyết định, có vẻ muốn một cái gì đó, nhưng trên thực tế là họ đã tuân theo một áp lực từ bên trong hay bên ngoài khi “phải” muốn cái điều họ sắp sửa thực hiện. Thực ra, khi quan sát những quyết định của con người, ta bị ấn tượng bởi mức độ làm tương của con người trong việc cho những gì là quyết định “của mình” nhưng trên thực tế, đó đơn thuần là sự quy phục những lẽ thói, trách nhiệm hay áp lực. Vậy con người hiện đại có thật sự tự do? Và cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, liệu con người có thật sự an thân và yên ổn? Có thể thấy rằng, sự tiến bộ chưa từng thấy của khoa học và kỹ thuật đã chuyển biến nền kinh tế - xã hội đa dạng, các công nghệ vi tính- thông tin đã trực tiếp động chạm đến lĩnh vực trí tuệ. Đây là một bước tiến vượt bậc của nhân loại. Tuy nhiên, những hậu quả của cuộc cách mạng công nghệ này cũng thật rõ ràng. Sức mạnh kỹ thuật đã mở ra những khả năng to lớn cho sự phát triển tinh thần theo các phương hướng khác nhau nhất.

Thực tế này đã sinh ra hiện tượng “sự nổi dậy của đại chúng” (câu nói của nhà triết học Tây ban Nha, Ortega I Gasset) mà những hậu quả bộc lộ ra trong tất cả mọi lĩnh vực sinh hoạt của con người hiện đại. Sự đại chúng hóa đã thay thế cho tính trật tự tương đối của xã hội. Sự đại chúng hóa trước hết có nghĩa là việc làm phức tạp đáng kể cơ cấu xã hội của xã hội, khi mà ranh giới giữa các nhóm xã hội trở nên dễ biến đổi và bị xóa nhòa, cá nhân ở một nhóm xã hội chấp nhận được khả năng dễ dàng chuyển sang nhóm xã hội khác thấp hơn hay cao hơn. Thời đại xã hội đại chúng đã xuất hiện. Do có sự đại chúng hóa mà việc phân chia các vai trò

xã hội diễn ra một cách ngẫu nhiên và không phụ thuộc vào học vấn trình độ văn hóa của cá nhân. Không có một tiêu chuẩn ổn định và vững chắc nhằm quy định việc vươn lên một địa vị xã hội cao hơn. Không có gì cản trở một cá nhân không được đào tạo tương xứng lên giữ chức vị tổng thống hay thành viên chính phủ, khi đó cá nhân thậm chí còn tin tưởng vững chắc vào điều ngược lại. Thêm vào đó, sự hiểu biết không được đánh giá cao trong điều kiện đại chúng hóa. Quyền uy của sự hiểu biết dễ dàng thay thế bằng quyền uy của quyền lực và sức mạnh. Nói chung, tiêu chuẩn đánh giá là rất biến đổi và mâu thuẫn. Đa số dân cư hoặc là có thái độ thờ ơ đối với bất kỳ vấn đề nào, hoặc tiếp nhận những đánh giá, sở thích và ham muốn mang tính chuẩn mực do ai đó hình thành và được phương tiện truyền thông gán cho, chứ không phải tự mình xây dựng. Nói ra ý kiến của riêng mình và độc đáo trở thành mạo hiểm. Thực tế này không thể không góp phần làm đánh mất thói quen tư duy có phương pháp, có trách nhiệm. Đa số mọi người quen thuộc với những khuôn mẫu phổ biến và bị sốc về tâm lý khi có ai cố gắng phá hủy chúng. Tác nhân trước hết của sự đại chúng hóa chính là sự xuất hiện của “con người đại chúng”. Theo Ortega I Gasse, đó là người không thể đánh giá mình từ mặt tốt cũng như từ mặt xấu, là người cảm thấy mình như tất cả mọi người và hoàn toàn không thấy đau khổ về điều đó. Con người đại chúng không đòi hỏi nhiều ở mình, không cố gắng tự hoàn thiện, không thích tự làm cuộc sống trở nên phức tạp. Nó thích sống kiểu nước chảy bèo trôi. Nó giải quyết khá tốt những vấn đề về vật chất của mình. Nó có thói quen không dựa vào một quyền uy tinh thần nào, ngoài quyền uy của bản thân. Xét từ góc độ trí tuệ, con người đại chúng là người khi giải quyết một vấn đề trí tuệ nào đó thì thỏa mãn với tư tưởng đầu tiên trong đầu. Con người đại chúng là kiểu người bình quân, bình bình, và với tư cách như

vậy, nó phổ biến trong mọi tầng lớp xã hội. Nó không phải là hiếm trong giới tự coi mình là tri thức, nhưng không phải mọi công nhân và nhân viên đều là con người đại chúng. Kỷ luật của tinh thần, yêu cầu cao và tính nghiêm khắc đối với bản thân là xa lạ đối với nó. Con người đại chúng không muốn thừa nhận lẽ phải của người khác, song cũng không muốn bản thân mình là người có lý: nó đơn giản muốn gán ép ý kiến của mình hoặc hòa theo ý kiến chung. Đồng thời nó lại rất nghị lực và năng động, thể giới thể hiện ra với nó lĩnh vực áp dụng năng lực và đầu óc kinh doanh.

Con người đại chúng có đặc điểm là sẵn sàng hưởng ứng lời kêu gọi của những kẻ đưa ra câu trả lời đơn giản. Trên thực tế, kẻ có cơ hội chiến thắng trong đám đông, tại các buổi mít tinh, thậm chí cả trên màn hình vô tuyến là những kẻ trình bày khẩu hiệu đơn giản chứ không phải là những người có suy luận nghiêm túc. Đây là quy luật của giao tiếp đại chúng và nó tự thân mình là không tốt và cũng không xấu. Nguy cơ nảy sinh khi có kẻ mị dân biết cách sử dụng nó vì lợi ích vị kỷ của mình. Tính cả tin của con người đại chúng thường bị lạm dụng nhằm mục đích bắt họ phục tùng sự chuyên chế của thủ lĩnh giáo phái. Sự phục tùng vô điều kiện thủ lĩnh là dấu hiệu quan trọng nhất của chế độ cực quyền. Tôn giáo cực quyền hoàn toàn không chế con người, không để lại cho họ quyền có cuộc sống riêng tư. Chủ nghĩa cực quyền tôn giáo thường chống lại nhà nước, chống lại xã hội, chống lại các truyền thống dân tộc. Nó được thực hiện thông qua việc tách rời cá nhân ra khỏi mọi quan hệ xã hội, loại trừ những quan hệ tồn tại ở bên trong cộng đồng tôn giáo ấy. Chủ nghĩa bè phái cực quyền trong nhiều trường hợp là mang tính thế giới chủ nghĩa và có phổ biến ảnh hưởng của giáo phái trên quy mô toàn cầu. Thực tế đã chứng minh còn đầy rẫy những ví dụ về hậu quả của sự bùng nổ công nghệ hiện đại. Đương nhiên là

những thành tựu khoa học kỹ thuật đã mang lại cho chúng ta cảm giác vượt trội so với quá khứ. Nhưng mối liên hệ tự động giữa tiến bộ khoa học - kỹ thuật và tiến bộ đạo đức, tinh thần văn hóa là không có. Chân dung nêu trên của con người đại chúng tất nhiên cần được thừa nhận là chân dung tương đối, có điều kiện, chúng ta không thể bắt gặp nó dưới dạng con người cụ thể, hoàn toàn phù hợp với chân dung của nó. Các đặc điểm của nó bộc lộ ở khắp mọi nơi và đồng thời nó lại không có mặt ở đâu. Điều này được giải thích bởi tính hay biến đổi của nó, chính xác hơn là khả năng tự biến đổi của nó, khả năng chuyển sang phẩm chất khác của nó.

Dẫu sao thì điều đó cũng không có những trở ngại ở bên ngoài; mọi trở ngại đều mang tính chất nội tâm, do vậy là khắc phục được. Con người hiện đại cần nhận ra rằng, họ đang mất đi sự tự do cá nhân, đang trở nên “đại chúng” mà bản thân họ không nhận ra điều đó. Đây là gánh nặng đè lên vai con người khó có thể nhận ra được, nhất là những người nặng lòng với những cứu cánh của tự do. Chúng ta không chỉ giữ gìn và tăng cường tự do truyền thống, mà còn phải đạt phương thức tự do mới, nó cho phép chúng ta nhận ra cá nhân mình, để có niềm tin vào bản thân và vào cuộc đời.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Forrest E. Baird (2006), *Tuyển tập các danh tác triết học từ Platon đến Derrida*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
2. C.Mác và Ph.ăngghen (1995), *Luận cương về Phoiơbắc; Hệ tư tưởng Đức*, Toàn tập, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. C.Mác và Ph.ăngghen (1994), *Chống Duyrinh; Biện chứng của tự nhiên*, Toàn tập, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4. C.Mác và Ph.ăngghen (2000), *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, Toàn tập, tập 42, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. E.E.Nexmeyanov (2004), *Triết học - Hỏi và đáp*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
6. S. Freud (1986), *Đoán Mộng*, Nxb Đại học QG, Hà Nội.
7. S. Freud (năm 1992), *Vật tổ cấm kỵ*, Nxb Văn hoá dân tộc, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. S. Freud (năm 1992), *Vật tổ cấm kỵ*, Nxb Văn hoá dân tộc, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. S. Freud (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nxb. Đại học QG, Hà nội.
10. S. Freud (2002), *Bệnh lý học tinh thần về sinh hoạt đời thường*, Nxb Văn hóa thông Tin, Hà Nội.
11. S. Freud (2005), *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb Thế giới, Hà nội.
12. E.Fromm (2008), *Trốn thoát tự do*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
13. Sartre (1965), *Hiện sinh một nhân bản thuyết*, Nxb Nhị Nùng, Sài Gòn
14. Sartre (1994), *Ruổi*. Nxb Văn học, Hà Nội.

15. Sartre (1994), *Buồn nôn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
16. Vladimir Soloviev (2004), *Triết học đạo đức*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội
17. Bùi Giáng, (1962), *Tư tưởng hiện đại*, Nxb Văn hóa, Sài Gòn.
18. Bùi Giáng (1963), *Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại*, Tập I và Tập II, Nxb Vĩnh Phước, Sài Gòn.
19. Phạm Như Cương – Hoàng Việt – Phong Hiền (1982), *Triết học và cuộc sống đấu tranh ý thức tiến bộ: về một số trào lưu triết học tư sản hiện đại*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
20. Nguyễn Tiến Dũng (1999), *Chủ nghĩa hiện sinh: lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Nguyễn Văn Dân (2002), *Văn học phi lý*, Nxb Văn hóa thông tin và Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
22. Trần Thái Đình (1964), *Ý nghĩa thức tỉnh của triết lý hiện sinh*, Nxb Văn học, Sài Gòn.
23. Trần Thái Đình (1968). *Triết học nhập môn*, NXb Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
24. Trần Thái Đình (1969), *Hiện tượng học là gì*, Nxb Hướng mới, Sài Gòn
25. Trần Thái Đình (2003), *Triết học hiện sinh*, Nxb Hướng mới, Sài Gòn.
26. Nguyễn Hào Hải (2001), *Một số trào lưu triết học phương tây hiện đại*, Nxb Thông tin, Hà Nội.
27. Nguyễn Chí Hiếu - Đỗ Minh Hợp - Phạm Quỳnh Trang (2008), *Hiện tượng học Husserl*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
28. Diêu Trị Hoa (2005), *Edmund Husserl*, Nxb. Thuận Hoá & Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
29. Đỗ Minh Hợp (2-1996), "*Vấn đề tính chủ quan trong triết học phương Tây hiện đại*", Tạp chí Triết học, ( số 1), tr.29 - 32.
30. Đỗ Minh Hợp (2000), *Vấn đề bản thể luận trong một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại*, Luận án Tiến sĩ, Viện triết học, Hà Nội